

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC ĐẶC TÍNH CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

● HUỲNH ĐĂNG THÀNH^{1*} - LÊ THỊ NGỌC THƠ¹

¹Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Văn Lang

*Email: thanh.huynhdang@vlu.edu.vn

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu mối quan hệ giữa các đặc tính của trí tuệ nhân tạo và kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Văn Lang. Dựa trên mẫu khảo sát 130 sinh viên kết hợp cùng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết quả nghiên cứu cho thấy, các biến “Hạn chế khi sử dụng AI”, “Mức độ sử dụng AI”, “Thái độ đối với việc sử dụng AI” có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê với kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Văn Lang, trong đó mức độ sử dụng có tác động mạnh nhất. Đáng chú ý, kết quả hồi quy chỉ ra việc gia tăng tần suất sử dụng AI không có định hướng sẽ làm suy giảm kết quả học tập. Từ đó, nghiên cứu cho thấy trí tuệ nhân tạo chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được sử dụng một cách có ý thức, có định hướng và kết hợp với tư duy phản biện của người học.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo, sinh viên, kết quả học tập, Trường Đại học Văn Lang.

1. Đặt vấn đề

Năm 2023, khi các công cụ như ChatGPT, Gemini, Chatbot bắt đầu tạo nên cơn sốt toàn cầu, các công trình của Al-Khateeb và cộng sự (2022) đã sớm xây dựng nền tảng lý thuyết vững chắc, khẳng định tiềm năng của AI trong việc cá nhân hóa lộ trình học tập và nâng cao khả năng tiếp cận tri thức. Những nghiên cứu này chỉ ra, khi được sử dụng đúng cách, AI có thể giúp sinh viên vượt qua các rào cản về ngôn ngữ và tài liệu thông qua dịch thuật tự động hay tóm tắt nội dung thông minh, từ đó thúc đẩy sự tham gia học tập một cách chủ động (Vieriu & Petrea, 2023; Topham và cộng sự, 2025).

Tại Việt Nam, xu thế này cũng được phản ánh rõ nét qua các khảo sát thực nghiệm của Nguyễn Sĩ Thiệu (2024) và Nguyễn Thị Thanh Nguyệt (2025). Các nghiên cứu này cho thấy, dù 100% sinh viên đều biết và sử dụng AI, nhưng hiệu quả đạt được lại có sự phân hóa rõ rệt dựa trên ý định hành vi và độ chính xác của nguồn thông tin mà AI cung cấp. Những nghiên cứu định tính gần đây của Tạ Tường Vi (2025) hay các bài viết về tải nhận thức của TS. Hoàng Thị Thu Hiền (2025) đã cho thấy ranh giới mong manh giữa sự hỗ trợ và sự lệ thuộc. Việc lạm dụng các công cụ AI hỗ trợ làm bài, tạo sinh nội dung tự động nếu không được kiểm soát có thể dẫn

đến hệ lụy là suy giảm khả năng tư duy độc lập và làm mất đi tính sáng tạo đặc trưng của con người. Xuất phát từ bối cảnh đó, bài báo này được thực hiện nhằm mục tiêu tìm hiểu mối quan hệ giữa các đặc tính của trí tuệ nhân tạo và kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Văn Lang, từ đó đề xuất những giải pháp khả thi.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm các vấn đề liên quan đến nghiên cứu

Trí tuệ nhân tạo

Thuật ngữ “Trí tuệ nhân tạo”, được Giáo sư danh dự John McCarthy của Đại học Stanford giới thiệu vào năm 1955, được định nghĩa là một hệ thống sử dụng khoa học và kỹ thuật để tạo ra các máy móc thông minh” (McCarthy và cộng sự, 2006). Ngày nay, AI là sự mô phỏng trí thông minh giống con người thông qua các hệ thống máy tính sử dụng thuật toán và dữ liệu, cho phép máy móc thực hiện các nhiệm vụ thường đòi hỏi khả năng nhận thức của con người (Fetzer & Fetzer, 1990).

Kết quả học tập

Theo Yeo và cộng sự (2025), các thuật ngữ kết quả học tập, thành tích học tập và kết quả học tập đều đề cập đến hậu quả của kinh nghiệm học tập và sự tiến bộ của sinh viên. Có nhiều định nghĩa về kết quả học tập, được định nghĩa là những tuyên bố chỉ ra những kiến thức cơ bản mà sinh viên đã hoàn thành và có thể được báo cáo một cách đáng tin cậy vào cuối chương trình (Zlatkin-Troitschanskaia và cộng sự, 2016).

Mô hình chấp nhận công nghệ

Mô hình do Davis (1989) đề xuất đã lý giải sự chấp nhận và sử dụng công nghệ thông qua 2 yếu tố chính: Tính hữu ích cảm nhận và tính dễ sử dụng cảm nhận. Trong nghiên cứu này, lý thuyết này được dùng để lý giải việc sinh viên sử dụng trí tuệ nhân tạo như một công cụ học tập chính thức dựa trên nhận thức về sự hữu ích và việc dễ sử dụng của chính nó.

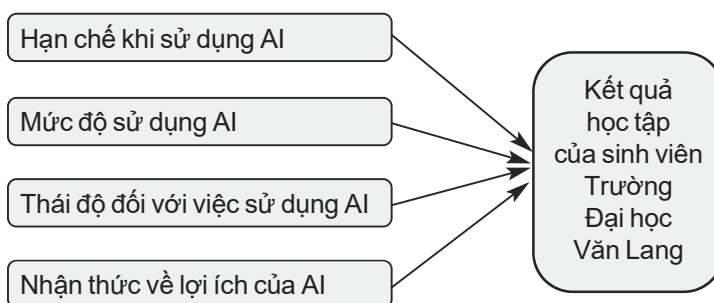
2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp. Cụ thể, ở giai đoạn đầu, nhóm thực hiện phương

pháp nghiên cứu tại bàn nhằm hệ thống hóa cơ sở lý thuyết và các mô hình nghiên cứu về tác động của AI đối với kết quả học tập của sinh viên. Dữ liệu thứ cấp được tổng hợp từ đa dạng nguồn tin cậy, bao gồm giáo trình, bài báo khoa học, luận văn và các số liệu thống kê công bố. Nghiên cứu định lượng được tiến hành thông qua khảo sát sinh viên tại Trường Đại học Văn Lang. Nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát ý kiến của sinh viên thông qua bảng hỏi trực tuyến trên Google Form. Phương pháp khảo sát được lựa chọn vì tính nhanh chóng, tiết kiệm chi phí, phù hợp với việc thu thập thông tin từ số lượng lớn người trả lời (Nguyễn Đình Thọ, 2008).

2.3. Mô hình nghiên cứu

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



Trong đó:

Biến phụ thuộc: Y - Kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Văn Lang

Biến độc lập:

X1: Hạn chế khi sử dụng AI (viết tắt HC)

X2: Mức độ sử dụng AI (viết tắt MĐSD)

X3: Thái độ đối với việc sử dụng AI (viết tắt TĐ)

X4: Nhận thức về lợi ích của AI (viết tắt NTVLI)

Đề xuất mô hình hồi quy:

$$Y = \beta_0 + \beta_1.X_1 + \beta_2.X_2 + \beta_3.X_3 + \beta_4.X_4 + \epsilon_i$$

3. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1 cho thấy, KMO và Bartlett's Test trình bày kết quả hệ số KMO và kiểm định Bartlett; trong trường hợp này, giá trị Sig nhỏ hơn 1% cho thấy các biến quan sát có mối tương quan với các nhân tố đang được phân tích. Đồng thời, hệ số KMO đạt 0.865 (> 0,5), qua đó khẳng định dữ liệu đáp ứng điều kiện cần thiết để tiến hành phân tích nhân tố.

Bảng 1. Kết quả phân tích KMO và Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.865
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	270.888
	df	10
	Sig.	.000

4. Hàm ý quản trị

Từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm tối ưu hóa hiệu quả ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giảm thiểu tác động tiêu cực và nâng cao kết quả học tập của sinh viên.

Thứ nhất, Nhà trường cần sớm xây dựng quy định và bộ hướng dẫn sử dụng trí tuệ nhân tạo chuẩn mực trong học tập, giúp phân định rõ ranh giới giữa việc

Bảng 2. Kết quả phân tích ma trận xoay nhân tố

	Component 1	Component 2	Component 3	Component 4
HC3	.926			
HC2	.921			
HC1	.912			
HC4	.871			
MĐSD4		.830		
MĐSD2		.788		
MĐSD3		.786		
MĐSD1		.748		
TĐ2			.867	
TĐ1			.814	
TĐ3			.763	
NTVLI2				.848
NTVLI1				.810
NTVLI3				.745

Kết quả ước lượng hệ số hồi quy của mô hình 3 cung cấp bằng chứng thống kê rõ ràng về vai trò của từng biến độc lập đối với biến phụ thuộc Y. Trước hết, tất cả các biến hạn chế khi sử dụng AI, mức độ sử dụng AI và thái độ đối với việc sử dụng AI đều có giá trị Sig. nhỏ hơn 0.05, cho thấy các hệ số hồi quy đều có ý nghĩa thống kê. Xét về mức độ ảnh hưởng, biến mức độ sử dụng AI là yếu tố có tác động mạnh nhất; biến hạn chế khi sử dụng AI có hệ số $B = 0$ và biến thái độ đối với việc sử dụng AI có hệ số $B = 0.157$, cho thấy cả hai đều tác động cùng chiều đến biến phụ thuộc, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng thấp hơn so với mức độ sử dụng AI.

xem công nghệ là công cụ hỗ trợ tra cứu với việc lạm dụng dẫn đến gian lận học thuật, từ đó kiểm soát tần suất và phương thức sử dụng một cách hợp lý.

Thứ hai, đội ngũ giảng viên cần chủ động thay thế các bài tập truyền thống bằng các hình thức kiểm tra đòi hỏi tư duy bậc cao như giải quyết tình huống thực tế, thảo luận nhóm trực tiếp hoặc vấn đáp sẽ buộc sinh viên phải thể hiện năng lực phân tích cá nhân, giảm sự lệ thuộc vào công nghệ.

Thứ ba, cần tập trung nâng cao nhận thức và hình thành thái độ tích cực cho người học thông qua các buổi chuyên đề bổ trợ nhằm định hình tư duy của sinh viên, giúp các em hiểu rõ cả lợi ích lẫn hạn chế của

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy

Model		Unstandardized Coefficients B	Unstandardized Coefficients Std. Error	Standardized Coefficients Beta	t	Sig.	Collinearity Statistics Tolerance	Collinearity Statistics VIF
1	(Constant)	4.372	.197		22.146	.000		
	X2	-.452	.066	-.520	-6.887	.000	1.000	1.000
2	(Constant)	3.804	.305		12.491	.000		
	X2	-.380	.071	-.437	-5.342	.000	.822	1.216
	X1	.120	.049	.198	2.417	.017	.822	1.216
3	(Constant)	3.185	.429		7.416	.000		
	X2	-.325	.075	-.373	-4.308	.000	.714	1.400
	X1	.117	.049	.193	2.383	.019	.821	1.217
	X3	.157	.078	.162	2.022	.045	.835	1.197

công nghệ để chủ động kiểm chứng thông tin một cách cẩn trọng.

Thứ tư, các khoa chuyên ngành nên tích hợp đào tạo kỹ năng số và tư duy phản biện vào chương trình học, cần hướng dẫn sinh viên cách đặt câu hỏi khoa học và đối chiếu kết quả từ máy tính với học liệu chính thống, giúp chuyển hóa việc ứng dụng công nghệ từ số lượng sang chất lượng và có chọn lọc.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định mô hình đề xuất có độ tin cậy và phù hợp với dữ liệu khảo sát, qua đó cung cấp bằng chứng thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên trong bối

cảnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Các thang đo sử dụng trong nghiên cứu đều đạt độ tin cậy cao và đảm bảo giá trị hội tụ, cho thấy dữ liệu thu thập có chất lượng tốt và phù hợp để phân tích. Kết quả hồi quy cho thấy, trí tuệ nhân tạo chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được sử dụng một cách có ý thức, có định hướng và kết hợp với tư duy phản biện của người học.

Từ đó, nghiên cứu nhấn mạnh để nâng cao kết quả học tập trong bối cảnh chuyển đổi số, cần tập trung vào việc hình thành thái độ tích cực, nâng cao kỹ năng sử dụng và định hướng cách khai thác công nghệ một cách hiệu quả, thay vì chỉ khuyến khích gia tăng mức độ sử dụng trí tuệ nhân tạo ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Hoàng Thị Thu Hiền (2025). Đề xuất mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo (AI) đến kết quả học tập của sinh viên. Truy cập tại <https://kinhtevdubao.vn/de-xuat-mo-hinh-nghien-cuu-anh-huong-cua-tri-tue-nhan-tao-ai-den-ket-qua-hoc-tap-cua-sinh-vien-31439.html>.

- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2013). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. Tập 2. TP. Hồ Chí Minh: NXB Hồng Đức. Nguyễn, Đình Thọ. (2008). Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. TP. Hồ Chí Minh: NXB Lao động - Xã hội.
- Nguyễn, Đình Thọ (2013). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. TP. Hồ Chí Minh: NXB Lao động.
- Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang (2011). Các phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và quản trị. Hà Nội: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- Nguyễn Sĩ Thiệu, Nguyễn Hải Yến (2024). Ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo đến kết quả học tập: Nghiên cứu tại Học viện Chính sách và Phát triển. Tạp chí Nghiên cứu Chính sách và Phát triển, 1(1), 116-128.
- Nguyễn Thị Thanh Nguyệt và cộng sự (2025). Ảnh hưởng của AI đến hiệu quả học tập của sinh viên đại học tại Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Giáo dục, 28(1), 12-29.
- Tạ Tường Vi (2025). Sinh viên Việt Nam với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo: thực trạng, nhận thức và định hướng. Truy cập tại <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/05/27/sinh-vien-viet-nam-voi-viec-su-dung-tri-tue-nhan-cao-thuc-trang-nhan-thuc-va-dinh-huong/>.
- Al-Khateeb B. (2022). The impact of artificial intelligence applications on students' academic performance: An empirical study. *International Journal of Emerging Technologies in Learning (iJET)*, 17(4), 145-155. <https://doi.org/10.3991/ijet.v17i04.28723>.
- Davis F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly*, 13(3), 319-340. <https://doi.org/10.2307/249008>.
- Fetzer J. H., & Fetzer J. H. (1990). Artificial intelligence: Its scope and limits. Springer Science & Business Media, UK.
- Hair J. F., Anderson R. E., Tatham R. L. and Black W. C. (1998). Multivariate Data Analysis. 5th ed. Upper Saddle River, NJ: Prentice-Hall.
- McCarthy J., Minsky M. L., Rochester N., & Shannon C. E. (2006). A proposal for the dartmouth summer research project on artificial intelligence, August 31, 1955. *AI Magazine*, 27(4), 12-14. <https://doi.org/10.1609/aimag.v27i4.1904>.
- OECD (2023). Artificial Intelligence in Education: Promises and Implications for Teaching and Learning. OECD Publishing. Available at <https://www.oecd.org/education/ai-in-education/>.
- Russell S., & Norvig P. (2016). Artificial Intelligence: A Modern Approach (3rd ed.). Pearson Education, USA.
- Topham L., Atherton P., Reynolds T., Hussain Y., Hussain A., Kolivand H., & Khan W. (2025). Artificial intelligence in educational technology: A systematic review of datasets and applications. *ACM Computing Surveys*, 58(3), 1-28. <https://doi.org/10.1145/3768312>.
- Tran Thuy Vy and Aspiras Olivia (2022). College students engagement and academic outcomes in online learning during the COVID-19 pandemic. *Modern Psychological Studies*, 28(1), 3. <https://scholar.utc.edu/mps/vol28/iss1/3>.
- UNESCO (2022). AI and Education: Guidance for Policy-makers. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000376709>
- Vieriu A. M., & Petrea G. (2025). The impact of artificial intelligence (AI) on students' academic development. *Education Sciences*, 15(3), 343. <https://doi.org/10.3390/educsci15030343>
- Yeo G., & Lansford J. E. (2025). Effects of Artificial Intelligence on Educational Functioning: A Review and Meta-Analysis. *Educational Psychology Review*, 37(4), 110. <https://doi.org/10.1007/s10648-025-10085-5>
- Zlatkin-Troitschanskaia O., Pant H. A., & Coates H. (2016). Assessing student learning outcomes in higher education: Challenges and international perspectives. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 41(5), 655-661. <https://doi.org/10.1080/02602938.2016.1169501>

Zimmerman B. J. (2002). Becoming a self-regulated learner: An overview. *Theory into Practice*, 41(2), 64-70.
https://doi.org/10.1207/s15430421tip4102_2.

Ngày nhận bài: 8/5/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/5/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/6/2026

THE RELATIONSHIP BETWEEN ARTIFICIAL INTELLIGENCE CHARACTERISTICS AND STUDENT ACADEMIC PERFORMANCE AT VAN LANG UNIVERSITY

● **THUYNH DANG THANH^{1*}**

● **LE THI NGOC THO¹**

¹Faculty of Accounting and Auditing, Van Lang University

*Email: thanh.huynhdang@vlu.edu.vn

ABSTRACT:

This study aims to examine the relationship between artificial intelligence (AI) characteristics and student academic performance at Van Lang University. Based on a survey sample of 130 students and a mixed-method research approach, the model demonstrates high reliability and goodness of fit. The results indicate that variables including “limitations in AI usage,” “level of AI usage,” and “attitudes toward AI usage” have statistically significant relationships with academic performance, with usage level exerting the strongest effect. Notably, regression results reveal that excessive and unguided AI usage may negatively affect academic outcomes. The findings suggest that AI can only be effective when used consciously, purposefully, and in combination with critical thinking.

Keywords: artificial intelligence, students, academic performance, Van Lang University.